

Số: 133/KH-UBND

Quỳnh Nhai, ngày 14 tháng 4 năm 2022

**KẾ HOẠCH**  
**Triển khai, thực hiện công tác dân số và phát triển**  
**huyện Quỳnh Nhai năm 2022**

Thực hiện kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 31/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về triển khai, thực hiện công tác dân số và phát triển tỉnh Sơn La năm 2022. Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Nhai xây dựng Kế hoạch triển khai, thực hiện công tác dân số và phát triển năm 2022 cụ thể như sau:

**I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU**

**1. Mục tiêu**

Ổn định quy mô dân số, duy trì vững chắc mức sinh thay thế; giảm thiểu tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh; nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của huyện.

**2. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2022**

- Mức giảm sinh: giảm 0,3‰ so với năm 2021.
- Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên: giảm 01% so với năm 2021.
- Tỷ lệ bà mẹ mang thai được tầm soát (*sàng lọc trước sinh*): 26%.
- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (*sàng lọc sơ sinh*): 23%.
- Tỷ lệ tảo hôn: giảm 1,5% so với năm 2021.
- Tăng thêm tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn: 05% so với năm 2021.
- Tăng thêm tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm: 10% so với năm 2021.
- Số người thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại mới: 2.095 người.  
(*chi tiết tại Phụ lục số I, II kèm theo*)

**II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

**1.** Thành lập Ban Chỉ đạo Dân số và Phát triển huyện Quỳnh Nhai; xây dựng quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo, phân công cho các thành viên.

**2. Thực hiện các Chương trình, đề án**

**2.1. Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh**

- Tiếp tục triển khai Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh trên địa bàn huyện, giai đoạn II (2021 - 2025) theo Kế hoạch số 295/KH-UBND ngày 29/9/2021 của Ủy ban nhân huyện Quỳnh Nhai.

- Đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyển đổi nhận thức, tạo dư luận xã hội phê phán các hành vi lựa chọn giới tính thai nhi. Tiếp tục đưa các nội dung Kế hoạch 295/KH-UBND vào Chương trình giáo dục cho học sinh các trường phổ thông (THCS, THPT); hương ước, quy ước của bản, xóm.

- Giám sát việc thực thi pháp luật về nghiêm cấm các hình thức lựa chọn giới tính thai nhi.

- Tổ chức chiến dịch, hoạt động vận động cộng đồng tại địa bàn trọng điểm.

## **2.2. Điều chỉnh mức sinh phù hợp**

- Tiếp tục triển khai Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030 theo Kế hoạch số 287/KH-UBND ngày 18/11/2020 của UBND huyện Quỳnh Nhai.

- Thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con. Tuyên truyền về lợi ích của việc sinh ít con. Tập trung vận động không kết hôn và sinh con quá sớm, không sinh quá dày và không sinh nhiều con. Đối tượng chủ yếu: Các cặp vợ chồng đã sinh hai con và có ý định sinh thêm con. Khẩu hiệu: ***“Dừng ở hai con để nuôi, dạy cho tốt”***.

- Tổ chức chiến dịch tăng cường truyền thông lồng ghép cung cấp các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình/sức khỏe sinh sản (KHHGĐ/SKSS) tại các xã thuộc địa bàn mức sinh cao, địa bàn trọng điểm, vùng dân tộc thiểu số; tập trung cung cấp gói dịch vụ KHHGĐ, vận động cặp vợ chồng đã có hai con thực hiện các biện pháp tránh thai (BPTT) dài hạn.

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số theo Nghị định số 39/2015/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

- Bảo đảm cấp đủ phương tiện tránh thai (PTTT) cho tất cả người dân có nhu cầu tránh thai đang cư trú trên địa bàn huyện, bao gồm các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ; người đơn thân; vị thành niên, thanh niên; người tạm trú là cán bộ, công nhân, người lao động thuộc các cơ quan, doanh nghiệp đóng trên địa bàn. Không để đối tượng được cấp miễn phí PTTT không được thụ hưởng chính sách.

- Rà soát, bổ sung danh sách và tổ chức cấp phát PTTT cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng BPTT trên địa bàn quản lý. Đặc biệt chú ý bổ sung danh sách người tạm trú là cán bộ, công nhân, người lao động thuộc các cơ quan, doanh nghiệp đóng trên địa bàn. Danh sách cấp phát PTTT miễn phí do Trạm trưởng trạm Y tế hoặc Ủy ban nhân dân xã phê duyệt.

- Lựa chọn triển khai một số mô hình phù hợp can thiệp để không kết hôn và sinh con quá sớm, sinh quá dày, sinh nhiều con.

- Một số nội dung trong xây dựng kế hoạch hoạt động của Chương trình: triển khai thực hiện theo Phụ lục III.

### **2.3. Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình**

Tiếp tục triển khai Chương trình củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai đến năm 2030 theo Kế hoạch số 230/KH-UBND ngày 15/7/2021 của UBND huyện Quỳnh Nhai.

- Đánh giá, điều chỉnh các loại hình cung cấp dịch vụ KHHGD thân thiện cho vị thành niên, thanh niên phù hợp trong tình hình mới.

- Bổ sung trang thiết bị, dụng cụ y tế và nâng cấp cơ sở vật chất kho bảo quản PTTT, mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ KHHGD (huyện, xã).

- Thực hiện thông tin quản lý hậu cần PTTT và cung cấp dịch vụ KHHGD (LMIS).

- Thúc đẩy, linh hoạt trong cung cấp dịch vụ lâm sàng tại các cơ sở y tế và phi lâm sàng qua mạng lưới cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn bản trong bối cảnh diễn biến phức tạp của dịch Covid-19. Huy động tối đa việc cấp phát PTTT phi lâm sàng tại nhà cho đối tượng có nhu cầu, bảo đảm người dân được tiếp cận các dịch vụ tránh thai trên địa bàn.

- Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ KHHGD thường xuyên; chiến dịch, khám lưu động tại cộng đồng, chú trọng gói khám phụ khoa, dự phòng vô sinh; đối tượng khó tiếp cận.

- Triển khai các mô hình nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ KHHGD: hỗ trợ sinh sản; can thiệp, điều trị sớm một số nguyên nhân dẫn đến vô sinh tại cộng đồng; dự phòng, tầm soát vô sinh cho nhóm dân số trẻ; can thiệp giảm phá thai.

- Xây dựng và triển khai các nội dung hoạt động của Kế hoạch Tăng cường Tư vấn và cung ứng dịch vụ KHHGD cho vị thành niên, thanh niên trong tình hình mới nhằm giảm tỷ lệ có thai ngoài ý muốn, giảm phá thai, dự phòng vô sinh, cải thiện sức khỏe cho vị thành niên, thanh niên.

- Triển khai tiếp thị xã hội các PTTT và hoạt động của Đề án 818 để tiếp tục đẩy mạnh, mở rộng xã hội hóa cung cấp PTTT, hàng hóa dịch vụ KHHGD/SKSS theo Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 25/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Một số nội dung trong xây dựng kế hoạch hoạt động của Chương trình: triển khai thực hiện theo Phụ lục III.

### **2.4. Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh**

- Tiếp tục triển khai Chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai đến năm 2030 theo Kế hoạch số 233/KH-UBND ngày 16/7/2021 của UBND huyện Quỳnh Nhai.

- Vận động thanh niên thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, không tảo hôn, không kết hôn cận huyết thống; phụ nữ mang thai thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh; trẻ sơ sinh được thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh.

- Triển khai một số can thiệp, mô hình cung cấp dịch vụ nâng cao chất lượng dân số. Xây dựng hệ thống thông tin quản lý cơ sở cung cấp dịch vụ, cơ sở dữ liệu về các đối tượng.

- Dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn

- + Tổ chức tư vấn cộng đồng thông qua cộng tác viên dân số để tiếp cận, vận động thanh niên thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn;

- + Đưa các nội dung tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn vào trong hoạt động của câu lạc bộ tiền hôn nhân tại cộng đồng; trong buổi sinh hoạt ngoại khóa tại các trường phổ thông (THCS, THPT).

- Dịch vụ sàng lọc trước sinh và sàng lọc sơ sinh.

- + Triển khai gói dịch vụ cơ bản sàng lọc trước sinh và sơ sinh theo Quyết định 3845/QĐ-BYT ngày 11/8/2021 của Bộ Y tế;

- + Triển khai các giải pháp, hoạt động, can thiệp tại địa bàn để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 được giao;

- + Vận động các đối tượng tham gia sàng lọc trước sinh. Cộng tác viên dân số thống kê đầy đủ đối tượng đã thực hiện sàng lọc trước sinh và sơ sinh;

- + Duy trì triển khai cơ sở cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh hiện có.

- Giảm tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống: Phổ biến giáo dục pháp luật, vận động người dân và cộng đồng thực hiện nghiêm các quy định về cấm tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; thanh niên không tảo hôn, không kết hôn cận huyết.

- Một số nội dung trong xây dựng kế hoạch hoạt động của Chương trình: triển khai thực hiện theo Phụ lục III.

## **2.5. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi**

- Tiếp tục triển khai Chương trình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Sơn la đến năm 2030 theo Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 15/7/2021 của UBND huyện Quỳnh Nhai.

- Vận động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; tạo môi trường xã hội ủng hộ và tham gia chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Thực hiện chính sách liên quan đến chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng chống bệnh không lây nhiễm, khám chữa bệnh cho người cao tuổi; từng bước xây dựng mô hình chăm sóc sức khỏe dài hạn cho người cao tuổi.

- Tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép cung cấp dịch vụ khám sàng lọc một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi.

- Bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao năng lực cho Trạm Y tế xã thực hiện khám chữa bệnh cho người cao tuổi; khám sức khỏe định kỳ, lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho người cao tuổi.

- Tham gia các lớp tập huấn chuyên môn cho cán bộ làm công tác tư vấn, cán bộ dân số, cộng tác viên dân số, người chăm sóc sức khỏe người cao tuổi ở các cơ sở.

- Lựa chọn triển khai một số mô hình chăm sóc sức khỏe người cao tuổi: xã thân thiện với người cao tuổi; ứng dụng công nghệ thông tin vào dịch vụ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi (mạng xã hội, internet,...).

- Một số nội dung trong xây dựng kế hoạch hoạt động của Chương trình: triển khai thực hiện theo Phụ lục III.

## **2.6. Truyền thông công tác dân số**

Tiếp tục triển khai Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030 của huyện Quỳnh Nhai theo Kế hoạch số 286/KH-UBND ngày 18/11/2020 của UBND huyện Quỳnh Nhai.

### ***a) Thường xuyên cập nhật thông tin chuyên đề về dân số và phát triển***

- Tổ chức ít nhất 01 cuộc/năm tại các cấp báo cáo cấp ủy Đảng, chính quyền về công tác xây dựng, thực hiện và đánh giá, giám sát chính sách, pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch về dân số và phát triển.

- Tổ chức báo cáo chuyên đề trên các phương tiện thông tin đại chúng với sự tham gia của lãnh đạo Đảng, chính quyền...

- Tiếp nhận và cấp phát các bản tin, tài liệu vận động về dân số và phát triển cho các cấp lãnh đạo.

### ***b) Huy động các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội tham gia truyền thông và giáo dục về dân số***

- Hỗ trợ 01-03 cuộc/năm cho các ban, ngành, đoàn thể tổ chức các hoạt động như hội thảo, hội nghị, tập huấn, giao lưu, tọa đàm... cho các nhóm đối tượng do các ban, ngành, đoàn thể quản lý.

- Phối hợp với cơ quan, đơn vị các ban ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội và cộng đồng xây dựng và triển khai mô hình truyền thông phù hợp với các nhóm đối tượng do ban, ngành, đoàn thể quản lý và nhóm dân số đặc thù như người di cư, người tàn tật, người cao tuổi, dân tộc thiểu số, người cư trú ở vùng khó khăn...

- Phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh triển khai việc đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường. Hình thành kiến thức và kỹ năng về dân số, sức khỏe sinh sản đúng đắn, có hệ thống trong giới trẻ.

- Định kỳ hàng quý tổ chức các buổi nói chuyện, thảo luận, sinh hoạt chuyên đề, thi tìm hiểu, giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao, giải trí cho các thành viên, hội viên và nhân dân cư trú trên địa bàn dân cư...

- Huy động các già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng tích cực ủng hộ các hành vi có lợi về dân số và phát triển; lồng ghép nội dung truyền thông dân số và phát triển vào sinh hoạt của cộng đồng, sinh hoạt văn hóa dân gian, phiên chợ; đưa các tiêu chí về dân số và phát triển vào hương ước, quy ước của cộng đồng, vào tiêu chuẩn bản, xóm văn hóa, gia đình văn hóa.

- Tổ chức các sự kiện truyền thông, tạo sự thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia, tạo dư luận xã hội, thực hiện các hành vi có lợi và phê phán các hành vi vi phạm về chính sách dân số và phát triển. Tổ chức các sự kiện vào các dịp kỷ niệm Ngày Dân số Thế giới, Ngày Quốc tế trẻ em gái, Ngày Tránh thai thế giới, Ngày Thalassaemia Thế giới, Ngày Quốc tế Người cao tuổi, Tháng hành động Quốc gia về Dân số và các sự kiện truyền thông khác.

***c) Đẩy mạnh truyền thông, công nghệ thông tin và các loại hình truyền thông khác***

- Phối hợp với Trung tâm Truyền thông - Văn hoá huyện thường xuyên đưa tin về thông tin dân số và phát triển (1 tin/tuần); xây dựng và phát sóng các chương trình chuyên về dân số và phát triển (1 chương trình/tháng).

- Thường xuyên cập nhật các thông tin dân số và phát triển lên fanpage, (ít nhất 50% nội dung truyền thông về dân số và phát triển được đưa lên các trang mạng).

- Tăng cường truyền thông qua hệ thống mạng điện thoại di động, các mạng xã hội Zalo, Facebook ... ; gắn các banner truyền thông trên các trang web có nhiều người truy cập.

***d) Tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông trực tiếp của hệ thống dân số***

- Tổ chức các cuộc mít tinh, cổ động, diễu hành, nói chuyện chuyên đề nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn và các ngày kỷ niệm của ngành dân số tại huyện và xã (*nội dung, chủ đề của các sự kiện sẽ do tỉnh cung cấp; tùy theo tình hình thực tế dịch bệnh Covid-19, có từ 3-6 cuộc/năm/cấp*).

- Tổ chức tốt các đợt chiến dịch truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình đến vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng có mức sinh cao và những vùng còn nhiều hạn chế trong việc thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu dân số và phát triển.

- Thường xuyên lồng ghép nội dung dân số và phát triển vào các cuộc họp, sinh hoạt văn nghệ, thể thao, giải trí của nhân dân tại khu dân cư, đưa chính sách dân số và phát triển vào hương ước, quy ước, tiêu chuẩn, gia đình văn hóa... của bản, xóm.

- Khuyến khích, động viên người dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý. Tổ chức các cuộc thi thể

dục, thể thao quần chúng, lời cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân ở mọi lứa tuổi tham gia. Chú trọng nêu gương những đơn vị, cá nhân, gia đình điển hình.

***đ) Khuyến khích đơn vị truyền thông tham gia và mở rộng các hình thức truyền thông về dân số và phát triển***

- Triển khai mở rộng các hình thức truyền thông phù hợp với nhu cầu của các nhóm đối tượng như: truyền thông, giáo dục và tư vấn trực tiếp, qua điện thoại, trên internet, mạng xã hội, điện thoại di động, tư vấn tại cộng đồng; chú trọng truyền thông, tư vấn về sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình, mất cân bằng giới tính khi sinh, tảo hôn, kết hôn cận huyết thống, tư vấn trước hôn nhân, tầm soát, chẩn đoán trước sinh, sơ sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, cách nuôi con khoa học để nâng cao thể lực, tầm vóc và trí tuệ.

- Tiếp nhận, cấp phát tài liệu truyền thông cho các cơ sở tư vấn.

- Phối hợp giám sát, hướng dẫn các điểm tư vấn tuân thủ đúng nguyên tắc, quy trình và kỹ năng tư vấn; bảo đảm nội dung tư vấn chính xác theo đúng các quy định của pháp luật, chính sách, quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật.

***e) Mở rộng các hình thức giáo dục, truyền thông thân thiện, phù hợp với vị thành niên, thanh niên***

- Phối hợp với các ngành liên quan ngành giáo dục, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội nông dân, Liên đoàn lao động, xây dựng và triển khai mới các mô hình giáo dục hiệu quả, truyền thông cho vị thành niên/thanh niên như nhóm giáo dục đồng đẳng, câu lạc bộ, góc thân thiện tại các trường phổ thông, các khu dân cư, cơ sở cung cấp dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản.

- Nâng cao về kỹ năng làm việc với vị thành niên/thanh niên, kỹ năng tư vấn cho người cung cấp dịch vụ dân số, sức khỏe sinh sản để bảo đảm cung cấp các dịch vụ mang tính thân thiện, bình đẳng, riêng tư, bảo mật và phù hợp với tâm lý của vị thành niên/thanh niên.

- Tiếp nhận các sản phẩm truyền thông và các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, giải trí phù hợp với vị thành niên/thanh niên: Các tài liệu truyền thông như tờ rơi, sách mỏng...

***g) Nâng cao hiệu quả giáo dục dân số và phát triển***

- Tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo các chuyên đề về dân số và phát triển cho học sinh của các trường trung học cơ sở; trung học phổ thông.

- Tham gia tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng giảng dạy cho đội ngũ giáo viên giảng dạy các môn học thích hợp các nội dung dân số và phát triển.

- Tiếp tục lồng ghép nội dung giáo dục về giới, bình đẳng giới, mất cân bằng giới tính khi sinh vào các trung học phổ thông.

- Tổ chức các đợt trọng điểm, chiến dịch truyền thông giáo dục gắn với tư vấn và cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/SKTD, tư vấn trước hôn nhân cho học sinh tại các trường THCS-THPT.

### ***h) Tham gia bồi dưỡng cán bộ truyền thông***

Cập nhật kiến thức kỹ thuật, kỹ năng sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại trên trang tin điện tử, mạng xã hội, qua internet, điện thoại di động, thiết bị chuyển tải thông tin cho đội ngũ nhân viên cộng tác viên tại các xã.

## **2.7. Tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân số**

### ***a) Về tổ chức bộ máy***

- Nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức bộ máy, mạng lưới và cơ chế phối hợp liên ngành về dân số và phát triển các cấp theo Quyết định số 496/QĐTTg ngày 30/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đảm bảo đủ số lượng cán bộ làm công tác dân số tại tuyến huyện, xã và đội ngũ cộng tác viên theo vị trí việc làm đã được phê duyệt để đáp ứng nhiệm vụ được giao.

### ***b) Về công tác đào tạo bồi dưỡng***

- Ban hành kế hoạch triển khai Đề án đào tạo bồi dưỡng cán bộ làm công tác dân số giai đoạn 2022 - 2030.

- Tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân số và cộng tác viên dân số đáp ứng yêu cầu công tác dân số trong tình hình mới, để đạt chỉ tiêu và theo từng chương trình hoạt động (*Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; Điều chỉnh mức sinh; Củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh; Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi; Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số*).

- Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức cho cộng tác viên dân số đảm bảo 100% cộng tác viên dân số được tập huấn kiến thức về chủ chương chính sách của Đảng và Nhà nước về dân số, kỹ năng truyền thông vận động, quản lý đối tượng.

## **2.8. Củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số**

- Tiếp tục triển khai Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành Dân số trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai đến năm 2030 theo Kế hoạch số 229/KH-UBND ngày 15/7/2021 của UBND huyện Quỳnh Nhai.

- Hướng dẫn đổi Sổ ghi chép ban đầu (A0) cho viên chức làm công tác dân số, cộng tác viên; tham gia tập huấn sử dụng phần mềm MIS 2021 và tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản trị Hệ thống tin quản lý chuyên ngành dân số.

- Tiếp tục duy trì, vận hành hệ thống thông tin quản lý chuyên ngành DS-KHHGD (MIS); hệ thống tin quản lý hậu cần các phương tiện tránh thai (LMIS); Bản đồ điện tử dân số (MPS).

- Nâng cấp hệ thống DS-KHHGD theo Thông tư Quy định Chế độ ghi chép ban đầu và báo cáo thống kê chuyên ngành dân số.



- Tăng cường công tác thu thập và cung cấp số liệu, chia sẻ thông tin số liệu và dữ liệu DS-KHHGD quảng bá kho dữ liệu điện tử DS-KHHGD tới các cơ quan, đơn vị trong huyện.

- Nâng cao chất lượng số liệu thống kê chuyên ngành Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

### **2.9. Công tác giám sát**

- Tổ chức giám sát các hoạt động truyền thông trong các ngày lễ, kỷ niệm: Ngày Dân số Thế giới 11/7, Ngày Dân số Việt Nam 26/12 và tháng hành động quốc gia về Dân số.

- Kiểm tra, giám sát việc xử lý các trường hợp vi phạm chính sách dân số theo quy định, các cơ sở y tế tư nhân về dịch vụ CSSKSS/KHHGD, không lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức.

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Từ nguồn ngân sách của tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Trung tâm Y tế**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, triển khai thực hiện, tổng hợp, đánh giá các hoạt động dân số đảm bảo thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu Kế hoạch. Lồng ghép nội dung hoạt động của Kế hoạch với các hoạt động của các chương trình, dự án khác có liên quan trên địa bàn để triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện công tác Dân số năm 2022 và xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể đối với từng chương trình, hoạt động. Định kỳ tổ chức kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện chỉ tiêu kế hoạch và nhiệm vụ trọng tâm về công tác dân số.

**2. Phòng Tài chính - Kế hoạch:** Hướng dẫn các đơn vị sử dụng, thanh quyết toán nguồn kinh phí được cấp đảm bảo theo đúng quy định.

**3. Phòng Giáo dục và Đào tạo:** Lồng ghép nội dung về dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới, giới tính và bình đẳng giới... vào giáo dục, giảng dạy cho học sinh phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi theo hướng dẫn của Ngành Giáo dục, Y tế.

**4. Trung tâm Truyền thông- Văn hóa:** Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền về công tác dân số nhằm tạo dư luận xã hội, ủng hộ việc xây dựng và thực hiện các hành vi có lợi và phê phán các hành vi vi phạm về chính sách dân số và phát triển.

#### **5. Ủy ban nhân dân các xã**

- Căn cứ Kế hoạch của UBND huyện xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động công tác dân số năm 2022 tại địa phương.

- Lồng ghép nội dung tuyên truyền mất cân bằng về giới, giới tính, bình đẳng giới, mất cân bằng giới tính khi sinh, sức khỏe sinh sản ... vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tuyên truyền cổ động ở địa phương.

**6. Đề nghị Ban Tuyên giáo huyện ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, Liên đoàn lao động huyện, Hội Liên hiệp phụ nữ huyện, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện, Hội Nông dân huyện, Hội Người cao tuổi huyện ...**

Phối hợp tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cán bộ, công chức, viên chức, hội viên, đoàn viên thực hiện tốt chính sách dân số, là lực lượng nòng cốt trong công tác truyền thông vận động cộng đồng thực hiện tốt chính sách dân số.

Trên đây là Kế hoạch triển khai, thực hiện công tác về Dân số và phát triển năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Quỳnh Nhai./.

***Nơi nhận:***

- Sở Y tế;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực UBMTTQVN huyện;
- Ban Tuyên giáo huyện ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị;
- Như phần IV-Tổ chức thực hiện;
- Lưu: VT, TTYT (Chuẩn).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lò Thanh Thủy**

**PHỤ LỤC I**  
**CHỈ TIÊU CHUYÊN MÔN VỀ DÂN SỐ NĂM 2022**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 14/4/2022 của UBND huyện Quỳnh Nhai)*

STT	Tên đơn vị	Mức giảm sinh (%)	Tỷ lệ sinh con thứ 3+ (%)		Tỷ lệ sàng lọc trước sinh (%)	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh (%)	Tỷ lệ tảo hôn (%)		Tăng thêm tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn (%)	Tăng thêm tỷ lệ Người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm (%)	Số người thực hiện các BPTT hiện đại mới (người)
			Tổng hợp 2021	Kế hoạch 2022			Tổng hợp 2021	Kế hoạch 2022			
<b>Toàn huyện</b>		<b>0,3</b>	<b>20,4</b>	<b>19,4</b>	<b>26,0</b>	<b>23,0</b>	<b>29,7</b>	<b>28,2</b>	<b>5,0</b>	<b>10,0</b>	<b>2.095</b>
1	Cà Nàng	0,3	15,6	13,3	16,0	10,0	28,0	23,5	5,0	10,0	160
2	Chiềng Bằng	0,3	14,4	13,8	17,8	23,1	13,3	12,0	5,0	10,0	200
3	Chiềng Khay	0,3	28,2	26,1	18,8	16,5	0,0	0,0	5,0	10,0	210
4	Chiềng Khoang	0,3	17,6	15,9	19,6	19,7	5,2	5,0	5,0	10,0	220
5	Chiềng Ôn	0,3	20,0	19,1	9,8	18,1	10,5	10,0	5,0	10,0	105
6	Mường Chiên	0,3	17,9	13,8	9,2	17,3	9,1	8,3	5,0	10,0	100
7	Mường Giàng	0,3	10,9	8,8	24,5	23,5	9,2	7,1	5,0	10,0	300
8	Mường Giôn	0,3	23,7	21,6	20,8	20,6	27,4	25,0	5,0	10,0	250
9	Mường Sại	0,3	22,2	20,0	18,0	21,1	4,8	4,8	5,0	10,0	201
10	Nậm É	0,3	35,7	32,9	19,8	20,7	22,6	20,0	5,0	10,0	200
11	Pá Ma Pha Khinh	0,3	15,7	14,0	10,1	20,1	0,0	0,0	5,0	10,0	150

**PHỤ LỤC II**  
**CHỈ TIÊU CHUYÊN MÔN VỀ DÂN SỐ NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 14/4/2022 của UBND huyện Quỳnh Nhai)

STT	Tên đơn vị	Số người thực hiện các BPTT hiện đại năm 2022											
		Tổng	Dụng cụ tử cung			Thuốc cấy tránh thai	Thuốc tiêm	Thuốc uống tránh thai			Bao cao su		
			Tổng số	Miễn phí	Tiếp thị xã và xã hội hóa			Tổng số	Miễn phí	Tiếp thị xã và xã hội hóa	Tổng số	Miễn phí	Tiếp thị xã và xã hội hóa
<b>Toàn huyện</b>		<b>2.095</b>	<b>565</b>	<b>510</b>	<b>55</b>	<b>15</b>	<b>290</b>	<b>790</b>	<b>710</b>	<b>80</b>	<b>435</b>	<b>390</b>	<b>45</b>
1	Cà Nàng	170	46	46	0	1	27	70	65	5	26	25	1
2	Chiềng Bằng	159	36	30	6	2	23	65	60	5	33	30	3
3	Chiềng Khay	215	57	54	3	2	30	79	75	4	47	45	2
4	Chiềng Khoang	215	56	52	4	1	29	88	78	10	41	40	1
5	Chiềng Ôn	149	40	38	2	1	20	63	59	4	25	23	2
6	Mường Chiên	96	21	20	1	0	16	37	35	2	22	20	2
7	Mường Giàng	309	99	80	19	2	38	100	80	20	70	55	15
8	Mường Giôn	311	88	70	18	3	35	110	90	20	75	60	15
9	Mường Sại	170	50	50	0	1	21	67	65	2	31	30	1
10	Nậm Ét	180	45	45	0	1	26	66	63	3	42	40	2
11	Pá Ma Pha Khinh	121	27	25	2	1	25	45	40	5	23	22	1

### PHỤ LỤC III

#### Một số nội dung trong xây dựng kế hoạch hoạt động của các Chương trình (Ban hành kèm theo Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 14/4/2022 của UBND Quỳnh Nhai)

##### 1. Điều chỉnh mức sinh

- Bảo đảm cung cấp dịch vụ KHHGĐ miễn phí cho người dân tại vùng mức sinh cao và các đối tượng miễn phí theo quy định:

+ Đối tượng: Theo hướng dẫn tại công văn 10578/BYT-TCDS.

+ Tần suất: Dụng cụ tử cung 4,5 năm/lần; cây 3,5 năm/lần; tiêm 4 lọ/năm; bao cao su 100 chiếc/năm; viên uống tránh thai 13 vỉ/năm.

+ Nội dung: Tư vấn KHHGĐ; PTTT và chi phí dịch vụ KHHGĐ.

- Tổ chức chiến dịch truyền thông lồng ghép dịch vụ dân số, kế hoạch hóa gia đình/ sức khỏe sinh sản:

+ Đối tượng: Các cặp vợ chồng và nam, nữ thanh niên, nhất là các đối tượng được cấp miễn phí PTTT.

+ Tần suất: Ít nhất 02 đợt /năm (tổ chức chiến dịch theo đợt hoặc nhân sự kiện như Ngày ngừa thai thế giới (26/9); Ngày quốc tế gia đình hạnh phúc (20/3); Ngày gia đình Việt Nam (28/6) và các sự kiện liên quan khác).

+ Nội dung: Số đợt chiến dịch, địa bàn triển khai do địa phương lựa chọn.

##### 2. củng cố, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình

**\*Nội dung:** Thực hiện theo Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016; Thông tư số 14/2019/TT-BYT của Bộ Y tế.

- Tư vấn kế hoạch hóa gia đình:

+ Đối tượng: Nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15-49 tuổi).

+ Tần suất: Theo nhu cầu khách hàng hoặc theo lịch hẹn của nhân viên y tế.

- Đặt hoặc tháo dụng cụ tử cung:

+ Đối tượng: Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15-49 tuổi) và có nhu cầu;

+ Tần suất: 4,5 năm/lần; + Nội dung:

- Tiêm thuốc tránh thai:

+ Đối tượng: Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15-49 tuổi) và có nhu cầu;

+ Tần suất: 3 tháng/lần;

- Cây thuốc tránh thai

+ Đối tượng: Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15-49 tuổi) và có nhu cầu

+ Tần suất: 3,5 năm/lần

- Bao cao su
- + Đối tượng: Nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ và có nhu cầu
- + Tần suất: hàng tháng theo nhu cầu của khách hàng
- + Đối tượng: Phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15-49 tuổi) và có nhu cầu
- + Tần suất: hàng tháng theo nhu cầu của khách hàng
- + Nội dung: Thực hiện theo Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016, Thông tư số 14/2019/TT-BYT của Bộ Y tế.

### **3. Mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh**

- Tư vấn về tâm sinh l và sức khỏe trước khi kết hôn
- + Đối tượng: Nam, nữ thanh niên chưa kết hôn; cha mẹ của họ.
- + Tần suất: 1 lần/ người.
- + Nội dung: Thực hiện theo Quyết định số 25/QĐ-BYT ngày 07/01/2011 của Bộ Y tế - Khám sức khỏe trước khi kết hôn
- + Đối tượng: Nam, nữ thanh niên trước khi kết hôn.
- + Tần suất: Ít nhất 1 lần/người.
- + Nội dung: Thực hiện theo Thông tư 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013; Thông tư số 13/2019/TT-BYT của Bộ Y tế.
- Sàng lọc trước sinh và sơ sinh:
- + Đối tượng: Phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh
- + Tần suất: Ít nhất 02 lần với phụ nữ mang thai; ít nhất 01 lần/01 kỹ thuật với trẻ sơ sinh.
- + Nội dung: Thực hiện theo các Quyết định số 1807/QĐ-BYT, số 3845/QĐ-BYT của Bộ Y tế và các quy định chuyên môn khác. Với các đối tượng miễn phí gói dịch vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh cơ bản thực hiện theo Công văn số 146/BYT-TCDS ngày 10/01/2022 của Bộ Y tế.
- + Quản lý, chăm sóc trường hợp nguy cơ cao mắc bệnh nội tiết, chuyển hóa và di truyền bẩm sinh sau sàng lọc trước sinh và sơ sinh theo hướng dẫn chuyên môn tại Quyết định số 1807/QĐ-BYT, ngày 21/04/2020 của Bộ Y tế.
- + Thống kê, tổng hợp báo cáo các đối tượng đã thực hiện sàng lọc trước sinh và sơ sinh trên địa bàn, bao gồm cả xã hội hóa và miễn phí.

### **4. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi**

- Khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi
- + Đối tượng: người đủ từ 60 tuổi trở lên trên địa bàn xã (nơi cư trú)
- + Tần suất: ít nhất 1 lần/người.

+ Nội dung: Thực hiện theo Thông tư của Bộ Y tế số 35/2011/TT-BYT, số 14/2013/TT-BYT, số 13/2019/TT-BYT của Bộ Y tế và Thông tư số 96/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Tư vấn, hướng dẫn, phổ biến, rèn luyện thân thể, phòng bệnh cho người cao tuổi:

Thực hiện theo Thông tư số 35/2011/TT-BYT của Bộ Y tế và Thông tư số 96/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính - Lập hồ sơ, cập nhật, quản lý và duy trì hồ sơ sức khỏe của người cao tuổi trên địa bàn thực hiện theo quy định hiện hành.